TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 241/2024/HS-PT
Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mỹ
Ông Phạm Minh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 178/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Nhật L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- *Bị cáo có kháng cáo*: **Nguyễn Nhật L**, sinh năm 1985, tại Đồng Tháp; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; chức vụ khi phạm tội: Phó Chỉ huy trưởng BCHQS xã M, Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng kể từ ngày 07/3/2024; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1950 và bà Bùi Thị Ngọc Á, sinh năm 1950; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất; vợ tên: Đặng Hồng Ngọc T1, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có bị cáo Lê Hoàng N; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát cũng không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban C (BCHQS) xã M, huyện T: Là cơ quan thường trực công tác quốc phòng của xã; tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền xã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2010, Lê Hoàng N được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T bổ nhiệm Chỉ huy trưởng BCHQS xã M, là Công chức cấp xã và Nguyễn Nhật L cũng được bổ nhiệm Phó Chỉ huy trưởng BCHQS, hoạt động không chuyên trách theo các Quyết định bổ nhiệm số 311/QĐ và số 312/QĐ của Ủy ban nhân dân.

Căn cứ vào nguồn kinh phí do UBND huyện T phân bổ cho UBND xã M, trong đó có kinh phí cho công tác quân sự và được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt. Khi BCHQS xã M có phát sinh hoạt động nghiệp vụ, sử dụng kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thì Lê Hoàng N với vai trò là Chỉ huy trưởng đề xuất với UBND xã M xin rút kinh phí, UBND xã căn cứ vào kinh phí được phân bổ và các danh mục chi, sau khi kiểm tra đề nghị đúng quy định thì thống nhất đề xuất của N. Trên cơ sở thống nhất đồng ý của UBND xã, Nhứt phân công, chỉ đạo Nguyễn Nhật L là Chỉ huy phó phụ trách thực hiện việc lập chứng từ, thanh quyết toán kinh phí và ký tên, đóng dấu đề nghị UBND xã duyệt chi theo quy định và nhận tiền mặt từ thủ quỹ của U về giao lại cho thủ quỹ của BCHQS xã là Huỳnh Đức K quản lý để chi theo chỉ đạo của N.

Để có tiền chi cho hoạt động của BCHQS xã M và chi phí tiếp khách của đơn vị, lợi dụng sự thiếu kiểm tra trong việc thanh quyết toán, sử dụng kinh phí của UBND xã M, Lê Hoàng N đã chỉ đạo cho L lập chứng từ, thanh toán khống các khoản kinh phí, thanh toán số tiền cao hơn số tiền phát sinh thực tế, giữ lại tiền không chi đúng theo nội dung quyết toán gây thiệt hại ngân sách UBND xã M. Từ năm 2019 đến 2020, N đã chỉ đạo L lập 10 chứng từ kế toán và ký đề nghị quyết toán kinh phí hoạt động của BCHQS xã M với tổng số tiền 117.217.200 đồng và ký nhận tiền từ thủ quỹ UBND xã về giao cho thủ quỹ đơn vị quản lý để chi theo chỉ đạo của N. Nhứt chỉ đạo chi đúng quy định 23.432.000 đồng, không chi đúng theo nội dung trong chứng từ quyết toán giữ lại 93.785.200 đồng nhập quỹ đơn vị sử dụng vào hoạt động chung và chi phí tiếp khách của đơn vị, gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã M. Cụ thể như sau:
- Tiền huấn luyện dân quân tại chỗ mới kết nạp năm thứ nhất của năm 2019, tổng số tiền quyết toán 61.575.000 đồng (gồm 02 đợt huấn luyện, phiếu chi số 220 ngày 08/4/2019 là 32.840.000 đồng và phiếu chi số 235 ngày 09/5/2019 là 28.735.000 đồng), Nhứt chỉ đạo huấn luyện không đủ số ngày theo kế hoạch, chi cho các dân quân 18.845.000 đồng, giữ lại 42.730.000 đồng nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền huấn luyện dân quân tại chỗ năm thứ 2-4 của năm 2019, số tiền quyết toán 27.134.800 đồng (Phiếu chi ngày số 108 ngày 14/02/2020), N không tổ chức huấn luyện mà làm thủ tục thanh toán lấy tiền nhập vào quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền dự lễ ra quân huấn luyện năm 2019, số tiền quyết toán 2.700.000 đồng không chi cho dân quân, nhập quỹ đơn vị sử dụng.

- Tiền ăn trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Lễ 30/4 và 01/5 năm 2019, số tiền quyết toán 3.940.800 đồng không chi cho dân quân, nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền ăn dự lễ ra quân huấn luyện năm 2020, số tiền quyết toán 2.100.000 đồng không chi cho dân quân, nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Hỗ trợ tiền ăn cho Á Đội công tác nắm nguồn năm 2020, số tiền quyết toán 2.500.000 đồng không chi cho người nhận, nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền ăn trực bảo vệ Lễ giỗ Tổ Hùng Vương năm 2020, số tiền quyết toán 5.286.000 đồng không chi cho dân quân, nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền ăn trực bảo vệ Lễ 30/4 và 01/5 năm 2020, số tiền quyết toán 4.933.600 đồng không chi cho dân quân, nhập quỹ đơn vị sử dụng.
- Tiền ăn trực bảo vệ Tết Dương lịch năm 2020, số tiền quyết toán 7.047.000 đồng, chi cho dân quân trực 4.587.000 đồng, giữ lại 2.460.000 đồng nhập quỹ đơn vị sử dụng.

Khoản tiền gây thiệt hại nêu trên, vào ngày 17/01/2022 N đã nộp 130.000.000 đồng cho UBND xã M tiếp nhận, đại diện UBND xã M và bị can N thống nhất khấu trừ 93.785.200 đồng để khắc phục hậu quả.

Với vai trò là Chỉ huy phó được Lê Hoàng N phân công, chỉ đạo lập các chứng từ thanh quyết toán kinh phí của BCHQS xã M, Nguyễn Nhật L đã lập chứng từ và ký đề nghị thanh toán khống, không đúng quy định, thanh toán số tiền cao hơn số tiền phát sinh thực tế, cụ thể: Đối với các chứng từ huấn luyện, L lập danh sách các dân quân tham gia tập huấn rồi nhờ ký nhận để đầy đủ thủ tục quyết toán nhưng không tổ chức huấn luyện hoặc huấn luyện không đầy đủ số ngày theo kế hoạch; Đối với các chứng từ ra quân huấn luyện, L lập khống 11 tên dân quân (không có thật) để đầy đủ thủ tục quyết toán; Đối với các chứng từ trực Lễ, Tết, L lập danh sách các dân quân trực để đầy đủ thủ tục quyết toán, khi điều động trực là những dân quân khác và trực không đủ số ngày theo số ngày quyết toán. L biết lập 10 chứng từ kế toán và ký đề nghị thanh quyết toán theo sự chỉ đạo của N là sai, không đúng quy định nhưng vẫn thực hiện và ký nhận tiền từ UBND xã M về giao lại cho thủ quỹ đơn vị quản lý, tạo điều kiện cho N chỉ đạo giữ lại 93.785.200 đồng sử dụng vào mục đích chung của đơn vị, gây thiệt hại cho ngân sách của UBND xã M.

* Kết luận giám định của Sở tài chính tỉnh Đ (từ ngày 06/6/2023 đến ngày 25/7/2023), kết luận:
- Nguồn kinh phí hoạt động của BCHQS xã M là từ nguồn ngân sách UBND xã M và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Các chứng từ thanh quyết toán của BCHQS xã M liên quan đến tiền chế độ của các dân quân, các khoản kinh phí hoạt động khác được chi và quyết toán từ nguồn ngân sách UBND xã M và đủ trình tự, thủ tục thanh toán và quyết toán.
- Đối với phiếu chi số 108 ngày 14/02/2020 chi huấn luyện dân quân tự vệ năm thứ 2-4 số tiền 27.134.800 đồng, UBND xã M đã thanh toán, nhưng BCHQS xã M không huấn luyện mà làm thủ tục thanh toán. Việc làm này đã gây thiệt hại từ nguồn ngân sách của xã M.
- Đối với 09 nội dung chi tổng số tiền quyết toán 90.082.400 đồng, phát

sinh chi đúng thực tế 23.432.000 đồng, giữ lại 66.650.400 đồng không chi đúng theo nội dung trong chứng từ, căn cứ vào chứng từ kế toán do Cơ quan điều tra cung cấp thì không đủ căn cứ để kết luận. Kết quả điều tra nếu có đủ căn cứ xác định số tiền thanh toán của UBND xã M cho BCHQS xã cao hơn số tiền phát sinh thực tế thì chênh lệch cao hơn đó là số tiền gây thiệt hại cho ngân sách xã M.

** Đồ vật, tài liệu tạm giữ đã lưu vào hồ sơ vụ án gồm có:*

- 50 chứng từ quyết toán tiền bồi dưỡng trực đêm; tiền hỗ trợ ngày công lao động; tiền ăn trực thường xuyên của các dân quân thường trực từ năm 2018 đến năm 2021 số tiền 634.411.400 đồng.
- 42 chứng từ quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018 đến năm 2020 số tiền 191.040.000 đồng.
- 10 chứng từ quyết toán kinh phí hoạt động năm 2019 đến năm 2020, số tiền 117.217.200 đồng, liên quan đến việc quyết toán, sử dụng không đúng quy định của N, thể hiện trong sổ thu chi của BCHQS xã M.
- 01 sổ theo dõi thu, chi quỹ tiền mặt của BCHQS xã M.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 356; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nhật L phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhật L 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Nhật L số tiền 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Nhật L phải nộp số tiền trên sung vào Ngân sách nhà nước. Đồng thời, cấm bị cáo Nguyễn Nhật L đảm nhiệm các chức vụ có liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Hoàng N (Lê Hoàng N1) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng và cấm đảm nhiệm các chức vụ có liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước, trong thời hạn 03 năm về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, bị cáo Nguyễn Nhật L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; xin được miễn, giảm mức tiền phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Nhật L thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Nhật L về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định

của pháp luật. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Nguyễn Nhật L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; xin được miễn, giảm mức tiền phạt bổ sung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Nhật L thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo và cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới như bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi cha, mẹ già yếu và nuôi 02 con còn nhỏ; bị cáo có người thân là Bà mẹ Việt Nam anh H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Cấp sơ thẩm đã có xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ và đã áp dụng mức hình phạt dưới khung đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo L.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo làm theo sự chỉ đạo của cấp trên, không có hưởng lợi, lúc làm không biết việc làm đó là sai. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình, nuôi cha, mẹ già yếu và nuôi 02 con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Nhật L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo đồng phạm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Lê Hoàng N là Chỉ huy trưởng BCHQS xã M đã chỉ đạo cho Nguyễn Nhật L là Chỉ huy phó lập 10 chứng từ kế toán và ký đề nghị thanh quyết toán kinh phí khống (không tổ chức huấn luyện dân quân nhưng vẫn thanh toán), không đúng quy định, thanh quyết toán số tiền cao hơn số tiền phát sinh thực tế với tổng số tiền 117.217.200 đồng. L trực tiếp ký nhận tiền từ thủ quỹ UBND xã M về giao cho thủ quỹ của đơn vị để N chỉ đạo chi, N chỉ đạo chi đúng thực tế 23.432.000 đồng, không chi đúng theo nội dung trong chứng từ quyết toán giữ lại 93.785.200 đồng, nhập quỹ sử dụng cho hoạt động chung của đơn vị, gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã M số tiền 93.785.200 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản nhà nước và gây thất thoát cho Ngân sách UBND xã M là 93.785.200 đồng; trong đó, có 02 lần gây thiệt hại trên 10.000.000 đồng. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến uy tín cơ quan nhà nước tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo Nguyễn Nhật L giữ chức vụ là Chỉ huy phó nhận chỉ đạo lập 10 chứng từ kế

toán và ký đề nghị thanh quyết toán kinh phí khống, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố trực tiếp, hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho Ngân sách UBND xã M là 93.785.200 đồng và đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của UBND xã M. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo N và bị cáo L cùng tham gia thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo N là người chủ mưu, chỉ đạo cho L thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò chính còn bị cáo L với vai trò là người thực hành tích cực.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Nhật L về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Nguyễn Nhật L kháng cáo xin được hưởng án treo, có cung cấp các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi cha, mẹ già yếu, bệnh tật và 02 con còn nhỏ; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bà cố của bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Cấp sơ thẩm đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và đã áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo mới cung cấp cũng không phải là điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Nhật L.

[4] Xét lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Nhật L là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Nhật L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Nhật L. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Nhật L.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật L phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền

hạn trong khi thi hành công vụ".

Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 356; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự;Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Nhật L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười (03 bản);
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- CQCSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- CQTHAHS CA huyện Tháp Mười;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA (Châu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh